

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 28/6/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Công Đạt;
2. Bà Lê Thị Thuý Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 11/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đình Nam N; **Tên gọi khác:** Không, sinh ngày 06/01/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; **Nơi cư trú:** Thôn a, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; **Nghề nghiệp:** Làm nông; **Trình độ học vấn:** 10/12; **Dân tộc:** Kinh; **Giới tính:** Nam; **Tôn giáo:** Không; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Con ông:** Nguyễn Đình A, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; **Bị cáo chưa có vợ con;**

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Nguyễn Đình Nam N bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk – Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: TDP k, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: TDP 6, thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Anh Trần Trung C, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tổ E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/4/2024, Nguyễn Đình Nam N đi bộ đến khu vực tổ dân phố k, thị trấn P, huyện K tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến trước nhà của bà Trần Thị Ngọc D ở tổ dân phố k, thị trấn P thì phát hiện có 01 xe điện đang dựng ở trong sân nhà, quan sát xung quanh không thấy người, N đi vào trong sân đến chỗ xe điện và thấy chìa khóa xe đang cắm trong ổ khóa điện. Sau đó, N lấy trộm xe điện rồi điều khiển về nhà nghỉ T tại tổ dân phố k, thị trấn P nơi N đang ở thì thấy xe điện bị hết pin không đi được nữa nên N gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh D (là bạn của N) đến và nhờ D đẩy xe điện giúp. Khi thấy D đến thì N ngồi trên xe điện còn D điều khiển xe mô tô của mình đẩy xe điện của N đi trên đường tỉnh lộ 8. Khi đi ngang qua tiệm tạp hóa A của Trần Trung C thuộc tổ dân phố E, thị trấn P, thì N bảo D dừng xe lại, còn N đẩy xe điện đi vào tiệm của anh C để cầm cố xe điện để lấy tiền nhưng do không có giấy tờ tùy thân nên anh C không đồng ý cầm. Thấy vậy, Nguyễn đến hỏi mượn căn cước công dân của D để cầm xe điện nhưng D không đồng ý. Thấy không cầm được xe điện và sợ bị phát hiện nên N xin anh C cho N gửi xe điện tại tiệm của anh C thì anh C đồng ý. Sau đó N nhờ D chở về nhà nghỉ T. Đến ngày 04/4/2024, N biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên đến Cơ quan Công an huyện Krông Búk đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Biên bản định giá tài sản số 14/BB-HĐĐGTS, ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Búk, kết luận: 01 xe điện, loại 02 bánh, màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu SONCO, mua vào năm 2020, có giá trị là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ 01 xe điện, loại 02 bánh, màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu SONCO. Ngày 26/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho bà Trần Thị Ngọc D là chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Nam N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Nam N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đình Nam N mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt ngày 04/4/2024.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình Nam N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

- Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản là 01 xe điện, loại 02 bánh, màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu SONCO cho bà Trần Thị Ngọc D là chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra để giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Đình Nam N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ tư lợi cá nhân, nên vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/4/2024, tại nhà bà Trần Thị Ngọc D tại tổ dân phố k, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Đình Nam N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe điện nhãn hiệu SONCO. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

Hành vi của các bị Nguyễn Đình Nam N đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bà Trần Thị Ngọc D được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, muốn kiếm tiền để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã có

ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình Nam N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình Nam N đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã được trả lại cho bị hại, bị cáo ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo trong khi lượng hình.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi, xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đề nghị là có căn cứ, phù hợp. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung loại tội phạm này trong toàn xã hội.

[8] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản là 01 xe điện, loại 02 bánh, màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu SONCO cho bà Trần Thị Ngọc D là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra để giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình Nam N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình Nam N, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Nam N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt ngày 04/4/2024.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản là 01 xe điện, loại 02 bánh, màu sơn đỏ - đen, nhãn hiệu SONCO cho bà Trần Thị Ngọc D là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình Nam N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý